TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 374/2023/DS-PT
Ngày 12-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 324/2023/QĐ-PT ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 386/2023/QĐ-PT ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q, trụ sở: số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn An D; địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P, số B đường U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 110236.23 ngày 102/8/2023), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn K, sinh năm 1970 và bà Vũ Thị A, sinh năm 1974; cùng địa chỉ: số H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông K và bà A: Ông Hà Văn D1, sinh năm 1981; nơi cư trú: số H, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/12/2022), có mặt.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q ký 02 hợp đồng tín dụng cho bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A vay tiền, cụ thể như sau:

- Hợp đồng số 9646971.20 ngày 05/11/2020: Nguyên đơn cho bị đơn vay 3.050.000.000 đồng, thời hạn 228 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 13/11/2039, lãi suất tại thời điểm giải ngân 12,5%/năm, lãi suất này sẽ được nguyên đơn chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm, phương thức trả nợ: hoàn trả khoản tín dụng gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng. Ngày 13/11/2020, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay 3.050.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 9850395.21 ngày 17/08/2021: Nguyên đơn cho bị đơn vay 500.000.000 đồng với thời hạn 216 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến 20/08/2039, lãi suất tại thời điểm giải ngân 12,70%/năm, lãi suất này sẽ được nguyên đơn chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 4,3%/năm, phương thức trả nợ: hoàn trả khoản tín dụng gốc và lãi vào ngày 16 hàng tháng. Ngày 16/11/2021, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay 500.000.000 đồng.

Để đảm bảo các khoản vay, bị đơn thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 1544tờ bản đồ số 91 khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dươngtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đấtBY 901217, số vào sổ cấp GCN: CH04935 do UBND thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2015, cập nhật thay đổi ngày 14/09/2018 đứng tên ông Hà Văn K, Hợp đồng thế chấp được công chứng số: 015303 ngày 06/11/2020

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn vi phạm nội dung thỏa thuận, không thanh toán tiền gốc và lãi đúng hạn nên nguyên đơn đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 15/02/2022.

Tính đến ngày 22/5/2023, bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền: 689.719.122 đồng (trong đó: nợ gốc là 199.144.931 đồng, nợ lãi là 490.574.191 đồng), còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 4.138.714.371 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng số 9646971.20: tiền gốc: 2.862.708.000 đồng, tiền lãi 667.252.151 đồng, tổng cộng 3.529.960.151 đồng.

- Hợp đồng số 9850395.21: tiền gốc: 488.147.069 đồng, tiền lãi 120.607.152 đồng, tổng cộng: 608.754.221 đồng.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 22/5/2023 tổng cộng là 4.138.714.371 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 22/5/2023 bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền nói trên.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên nguyên đơn có quyền được yêu cầu phát mại tài sản thế chấp nói trên để đảm bảo thi hành án. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bị đơn với nguyên đơn. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A là ông Hà Văn D1 trình bày:

Bị đơn thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng và thế chấp tài sản nói trên, quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng là: 689.719.122 đồng như nguyên đơn trình bày. Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, tình hình khó khăn nên bị đơn không thể tiếp tục thực hiện việc thanh toán tiền gốc và lãi đúng thỏa thuận.

Bị đơn xác định còn nợ nguyên đơn số tiền gốc và lãi như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bị đơn đề nghị nguyên đơn xem xét giảm khoản tiền lãi đã phát sinh và xem xét lại cách tính mức lãi suất quá hạn vì theo thỏa thuận giữa hai bên thì thời hạn vay gần 20 năm, tiền lãi và gốc được trả dần hàng tháng, nên nếu tính tiền lãi quá hạn của toàn bộ dư nợ gốc còn lại là chưa phù hợp và do tình hình kinh tế khó khăn, đề nghị bị đơn gia hạn 12 tháng kể từ ngày hôm nay để bị đơn xử lý tài sản tài sản thế chấp sẽ thanh toán cho nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" với bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A.

1.1 Buộc bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi đến ngày 22/5/2023 là: 4.138.714.371 đồng *(trong đó 3.350.855.069 đồng tiền gốc và 787.859.302 đồng tiền lãi, cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng số 9646971.20: tiền gốc: 2.862.708.000 đồng, tiền lãi 667.252.151 đồng, tổng cộng 3.529.960.151 đồng; Hợp đồng số 9850395.21: tiền gốc: 488.147.069 đồng; Tiền lãi: 120.607.152 đồng, tổng cộng: 608.754.221 đồng).*

1.2. Bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A còn phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/5/2023 đối với các khoản tiền chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nói trên.

1.3. Trường hợp bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A không thanh toán hoặc thanh toán chưa hết các khoản tiền cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q

thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 5168674.20.675 ngày 06/11/2020 để thu hồi nợ.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A với nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 06/6/2023 người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Hà Văn D1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng do các đương sự cung cấp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Hợp đồng số 9646971.20 ngày 05/11/2020 và Hợp đồng số 9850395.21 ngày 17/08/2021 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng song vụ. Tổng số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay theo 02 hợp đồng nói trên là 3.550.000.000 đồng. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.2] Tài sản thế chấp: để đảm bảo các khoản vay, bị đơn thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất diện tích 125,3m^2 thuộc thửa đất số: 1544tờ bản đồ số 91 khu phố B, phường B, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình

Dươngtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đấtBY 901217, số vào sổ cấp GCN: CH04935 do UBND thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2015, cập nhật thay đổi ngày 14/09/2018 đứng tên ông Hà Văn K, hợp đồng thế chấp được công chứng số: 015303 ngày 06/11/2020đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/11/2020 nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực thi hành.

[2.3] Sau khi giao kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ của mình, bị đơn đã nhận số tiền vay. Tuy nhiên, bị đơn chỉ thực hiện nghĩa vụ thanh toán được 689.719.122 đồng (trong đó nợ gốc là 199.144.931 đồng, nợ lãi là 490.574.191 đồng) và khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán kể từ ngày 15/02/2022 và từ đó đến nay bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán là vi phạm, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Bị đơn cũng thừa nhận các khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến nay như nguyên đơn trình bày. Do đó, theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 3.350.855.069 đồng và tiền lãi đã phát sinh đến ngày 22/5/2023 là 787.859.302 đồng, tổng cộng 4.138.714.371 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng số 9646971.20: tiền gốc: 2.862.708.000 đồng, tiền lãi 667.252.151 đồng, tổng cộng 3.529.960.151 đồng.

- Hợp đồng số 9850395.21: tiền gốc: 488.147.069 đồng, tiền lãi 120.607.152 đồng, tổng cộng: 608.754.221 đồng.

[2.4] Bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 22/5/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

[2.5] Trường hợp bị đơn không thanh toán được số tiền vay và tiền lãi thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 5168674.20.675 ngày 06/11/2020 để thu hồi nợ. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho nguyên đơn.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, cam kết trong hợp đồng bảo đảm nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, xử tài tài sản theo hợp đồng thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2023/DS-ST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hà Văn K và bà Vũ Thị A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0004719 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Trứ